

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 5 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trương Thị Thu Thủy**
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 102/2022/TB-TA ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Ấp PĐ, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2012, bà và ông Phạm Văn C được mai mối, sau đó tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Trong cuộc sống lúc đầu rất hạnh phúc nhưng dần về sau vợ chồng bất đồng quan điểm nên bà và ông C thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã cho đến tháng 04/2021 bà và ông C ly thân cho đến

nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Văn C.

- Về con chung: bà và ông C có 01 con chung tên Phạm Quốc Thái, sinh ngày 13/3/2014, hiện do bà trực tiếp nuôi dưỡng từ lúc vợ chồng ly thân cho đến nay. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn C vắng mặt các lần toà án triệu tập, không có văn bản trình ý kiến.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp cho ông Phạm Văn C. Do đó, Toà án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra để giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến, quan điểm về vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí, quyền kháng cáo giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc “ly hôn, nuôi con”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

HĐXX thấy rằng, bà T và ông C đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Bà T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được. HĐXX thấy rằng, quá trình chuẩn bị xét xử toà án đã thực hiện thủ tục hoà giải để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ rằng ông C không còn mong muốn Toà án hoà giải đoàn tụ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, ông C và bà T đã ly thân hơn một năm nay. Điều này thể hiện vợ chồng ông bà không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng chia sẻ, thực hiện công việc gia đình với nhau. Do đó, ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C là phù hợp các quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

HĐXX thấy rằng, từ lúc bà T và ông C ly thân đến nay con chung do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo cuộc sống bình thường của con. Bên cạnh đó, cháu Phạm Quốc Thái có nguyện vọng được sống với bà T khi bà T và ông C ly hôn. Mặt khác, ông C đã được tổng đạt các văn bản hợp lệ của Tòa án nhưng vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi dưỡng con của bà T. Điều này chứng tỏ ông không có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. **Vì vậy, để không ảnh hưởng đến tâm lý, nhằm ổn định cuộc sống bình thường của trẻ em nên HĐXX giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.**

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, ông C không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX không có cơ sở buộc thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con thì có thể khởi kiện trong vụ án khác.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thanh T đối với ông Phạm Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 215 ngày 01/10/2012 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao Phạm Quốc Thái, sinh ngày 13/03/2014 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Trần Thị Thanh T đã nộp theo biên lai thu số: 0003490 ngày 07 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; đương sự có mặt tính kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- UBND xã Mỹ Đức, H.Châu Phú;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chi cục THA DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Hoà